

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM HỮU NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **46**/PC- TPHN

Hà Nội, ngày **26** tháng **3** năm 2024

**BÁO CÁO /ANNUAL REPORT  
Thường niên năm /Year 2023**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**I. Thông tin chung/General information**

**1. Thông tin khái quát/General information**

- Tên giao dịch/*Trading name*: **Công ty Cổ Phần Thực phẩm Hữu Nghị**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.*: 0102109239 do số Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội thay đổi lần thứ 13 ngày 06/05/2020
- Vốn điều lệ/*Charter capital*: **300.000.000.000 đ**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*: **579.050.562.204 (tại thời điểm 31/12/2023)**
- Địa chỉ/*Address*: 122 Định Công - Phường Định Công - Quận Hoàng Mai – Thành Phố Hà Nội.
- Số điện thoại/*Telephone*: 024.38643362.
- Số fax/*Fax*: 024.36658549
- Website: [www.huunghi.com.vn](http://www.huunghi.com.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: **HNF**
- Quá trình hình thành và phát triển/*Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

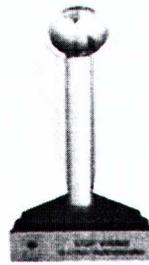
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị  tiên thân là Nhà máy Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị được thành lập năm 1997. Ngày 01 tháng 12 năm 2006, Nhà máy Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị được cổ phần hóa và chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị. Để phù hợp với chiến lược phát triển công ty, ngày 18/6/2009 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị. Công ty có trụ sở chính tại 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Cờ thi đua của Bộ Công Thương năm 2016;
- Cờ thi đua của Bộ Công Thương năm 2015;
- Cờ thi đua của chính phủ do Thủ tướng chính phủ trao tặng năm 2014;
- Cờ thi đua của Bộ Công Thương năm 2013;
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương năm 2012;
- Cờ thi đua của Bộ Công Thương năm 2011;
- Huân chương Lao động Hạng Nhì do Chủ tịch nước tặng thưởng năm 2011;
- Huân chương Lao động hạng ba do Chủ tịch nước tặng năm 2001, 2003;
- Cờ Thi đua xuất sắc do Bộ Thương Mại và Công đoàn Thương Mại và Du lịch Việt Nam trao tặng từ năm 1999-2007;

- Cờ Thi đua xuất sắc do Thủ tướng Chính phủ tặng từ năm 2001-2008;
- Danh hiệu hàng Việt Nam Chất Lượng Cao trong các năm 2000-2005;
- Danh hiệu Sao Vàng Đất Việt;
- Huy chương vàng hội chợ EXPO;
- Hàng Việt Nam chất lượng cao 2010;
- Cúp vàng giải thưởng 1000 năm Thăng Long;
- Thương hiệu vàng 2008-2009 của Hiệp hội chống hàng giả và thương hiệu VN;
- Danh hiệu Thương hiệu mạnh năm 2009 của Hiệp hội chống hàng giả và thương hiệu Việt Nam trao tặng.



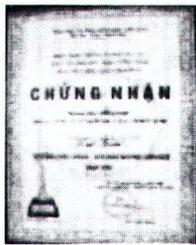
Giải thưởng thương hiệu mạnh 2009



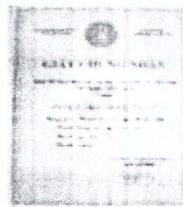
Cúp vàng "Vì sự phát triển Cộng Đồng" năm 2010



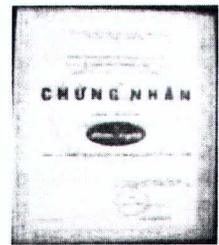
Cúp sản phẩm tiêu biểu 1000 năm Thăng Long



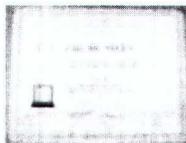
Chứng nhận thương hiệu vàng



Chứng nhận Huy Chương vàng



Chứng nhận logo ấn tượng



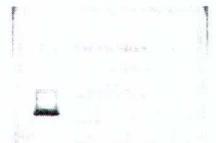
Chứng nhận Bánh Típ đạt giải 1000 năm Thăng Long



Chứng nhận Bánh kem xếp sản phẩm tiêu biểu 1000 năm Thăng Long



Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trao trắng



Chứng nhận Bánh Staff đạt sản phẩm 1000 năm Thăng Long

## TÂM NHÌN & SỨ MỆNH



### 1. Tầm nhìn

Trở thành thương hiệu dẫn đầu ngành bánh kẹo trong việc truyền tải và lan tỏa những giá trị thân thuộc của mỗi gia đình Việt ra khu vực và thế giới

**VISION**

### 2. Sứ mệnh

Tạo ra những sản phẩm gắn kết các thành viên trong gia đình, mang lại cảm giác thân thuộc cho mỗi khách hàng, trong mỗi gia đình Việt



- Các sự kiện khác/ Other events:

 <p><b>Hữu Nghị Food</b></p> <p>Logo trước đây</p>  <p><b>Hữu Nghị Food</b></p> <p>Trọng vị thân quen</p> <p>Logo mới từ 01/04/2019</p>	<p>Tháng 4/2017, nhà nước chính thức thoái vốn khỏi Hữu Nghị.</p> <p>Tháng 4 năm 2019, sau 22 năm gắn bó với người tiêu dùng Việt, Hữu Nghị chính thức thay đổi bộ nhận diện thương hiệu, đề ra chiến lược phát triển thương hiệu với tầm nhìn trở thành thương hiệu dẫn đầu trong việc truyền tải và lan tỏa những giá trị thân thuộc của mỗi gia đình Việt ra khu vực và thế giới.</p> <p>Cùng với đó, Hữu Nghị thực hiện sứ mệnh "tạo ra những sản phẩm gắn kết thành viên trong</p>
---	---

	<p>gia đình, mang lại cảm giác thân thuộc cho mỗi khách hàng, trong mỗi gia đình Việt.</p> <p>Cũng trong năm 2019 này, Hữu Nghị bắt đầu triển khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp dựa trên 4 giá trị cốt lõi “Tin tưởng - Trách nhiệm - Tôn trọng - Hiệu quả”.</p> <p>Tháng 6.2020, Hữu Nghị chính thức khánh thành nhà máy sản xuất hiện đại bậc nhất trong khu vực Đông Nam Á, đạt tiêu chuẩn chứng nhận an toàn thực phẩm toàn cầu FSSC tại Yên Phong, Bắc Ninh.</p>
--	--

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Business lines: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

Sản xuất bánh mứt kẹo và bánh trung thu mang thương hiệu Hữu Nghị.

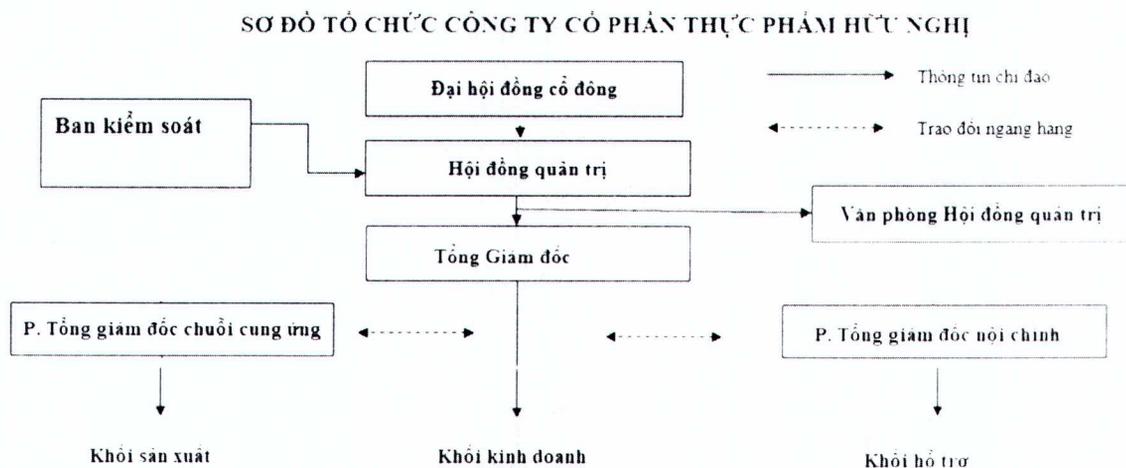
- Địa bàn kinh doanh/Location of business: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

Thị trường bán hàng trên toàn quốc và xuất khẩu sang một số nước châu Á như Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc...

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises): Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc; Chủ tịch HĐQT Công ty là người đại diện theo pháp luật.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/Management structure.



- Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-

in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies).

**Trụ sở chính của Hữu Nghị:**

Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công,

Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3864 3362 – 024 3864 2579

Fax: 024.3665 8549

Website: [www.huunghi.com.vn](http://www.huunghi.com.vn)

**Ngoài ra Hữu Nghị còn có các Nhà máy,  
Chi nhánh tại:**

➤ **Nhà máy tại Hà Nội**

Địa chỉ: 122 Định Công - Hoàng Mai - Hà  
Nội

Điện thoại: (024. 3864 2579

Fax: 024. 3864 2579

➤ **Chi nhánh Miền Nam**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Sóng thần 3,  
phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: (84-650) 3907877

Fax: (84-650) 3817255

➤ **Chi nhánh Miền Bắc**

Địa chỉ: Lô 15-2 KCN Yên Phong mở rộng-  
xã Yên Trung- Yên Phong- Bắc Ninh.

Lô 15-2 Khu công nghiệp Yên Phong mở  
rộng, xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh  
Bắc Ninh. Điện thoại: 0976.188.834

**4. Định hướng phát triển/Development orientations**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / *Main objectives of the Company.*

+ Phát triển Công ty một cách bền vững, duy trì vị thế “**Nhà sản xuất kinh doanh bánh kẹo lớn nhất Việt Nam**”.

+ Tiếp tục tái cấu trúc công ty, cơ cấu lại bộ máy, đội ngũ nhân sự quản lý theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả, phù hợp với quy mô và sự phát triển của Công ty trong giai đoạn mới.

+ Đề cao tính tuân thủ và ghi nhận, đánh giá thành tích lao động một cách khách quan, công bằng, tạo động lực cho người lao động.

+ Xây dựng các thương hiệu Típo, Staff cho các dòng sản phẩm bánh, mứt, kẹo, bánh trung thu Hữu Nghị trở thành thương hiệu mạnh hàng đầu ở Việt Nam và khu vực.

+ Áp dụng các phương pháp quản lý khoa học, các sáng kiến kỹ thuật nhằm tiết kiệm, tránh lãng phí trong sản xuất, lưu thông hàng hóa... góp phần giảm giá thành sản xuất.

+ Kiểm soát tốt chi phí hoạt động, tối ưu hiệu quả đầu tư tạo lợi thế cạnh tranh về giá.

+ Giữ vững thị trường truyền thống, các kênh bán hàng hiện có và tiếp tục mở rộng thị trường mới, kênh/ phương thức bán hàng mới.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term.*

+ Đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua hoạt động đào tạo và chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài, tạo mọi điều kiện để người lao động thể hiện được năng lực và phát triển được tài năng.

+ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc thân thiện, lành mạnh & hiệu quả, có bản sắc riêng của Hữu Nghị, là nơi “đáng làm việc” hàng đầu Việt Nam.

+ Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, phát triển (R&D), đầu tư dây chuyền thiết bị, máy móc hiện đại, tự động hóa và tiếp cận, chuyển giao công nghệ hiện đại nhằm liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của khách hàng trong nước và quốc tế.

+ Thực hiện chuyển đổi số, đẩy mạnh thương mại điện tử, tăng cường tìm kiếm và đầu tư cho các giải pháp quản trị bằng công nghệ (ERP, DMS), tin học hóa các quy trình tác nghiệp và bảo mật thông tin.

+ Chú trọng phát triển thương hiệu sản phẩm và thương hiệu Công ty; tiếp tục thực hiện các biện pháp xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu; chuyên môn hóa các kênh bán hàng để làm kín, làm kỹ thị trường, phục vụ khách hàng mục tiêu nhanh & hiệu quả hơn.

+ Tăng cường hợp tác với nhà đầu tư chiến lược, các hệ thống ngân hàng và các nhà cung cấp để chủ động về nguồn vốn sản xuất kinh doanh, tận dụng các cơ hội đầu tư và nâng cao được uy tín, vị thế trong ngành bánh kẹo.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

+ Đối với môi trường:

- ✓ Tiếp tục đầu tư nâng cấp cho hệ thống xử lý nước thải theo đúng tiêu chuẩn;
- ✓ Ưu tiên tìm kiếm và sử dụng những nguyên vật liệu, nhiên liệu sạch và thân thiện với môi trường, vì sức khỏe của người tiêu dùng;
- ✓ Cải tạo không gian làm việc, cảnh quan nhà máy theo hướng xanh-sạch-đẹp;
- ✓ Nâng cao tinh thần trách nhiệm và quán triệt CBCNV nghiêm túc thực hiện 5S để đảm bảo không gian làm việc luôn được sắp xếp gọn gàng, khoa học, sạch sẽ v.v...

+ Đối với xã hội và cộng đồng công ty:

- ✓ Tích cực tham gia hưởng ứng các ngày mang tính cộng đồng lớn như: ngày môi trường thế giới, ngày chống HIV AIDS...
- ✓ Ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa trên địa bàn, nơi công ty và các chi nhánh đang đặt trụ sở;
- ✓ Cứu trợ, ủng hộ bằng tiền và sản phẩm bánh kẹo cho các nơi xảy ra thiên tai lũ lụt gây hậu quả nghiêm trọng;
- ✓ Xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

**5. Các rủi ro/Risks:** (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

#### **a. Rủi ro về kinh tế**

Sự tăng trưởng ổn định của GDP và thu nhập bình quân đầu người có ảnh hưởng đến việc tiêu thụ các sản phẩm bánh kẹo. Khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh, thu nhập của người dân cao, đời sống vật chất được đảm bảo thì các nhu cầu nâng cao dinh dưỡng, nhu cầu biểu tượng các loại thực phẩm cao cấp, trong đó bánh kẹo cũng tăng. Nếu nền kinh tế lâm vào tình trạng khủng hoảng, thu nhập người dân sụt giảm, không đảm bảo những nhu cầu sinh hoạt tối thiểu hàng ngày thì ngành sản xuất bánh kẹo chắc chắn bị tác động.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, Công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với các kịch bản tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Công ty còn triệt để thực hiện tiết kiệm chi phí nhằm tối ưu hóa lợi nhuận.

#### **b. Rủi ro về dịch bệnh bất khả kháng:**

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tổ chức Y tế thế giới WHO đã công bố đại dịch Covid 19 do chủng loại vi rút mới gây ra, đại dịch xảy ra làm ảnh hưởng trầm trọng nền kinh tế thế giới. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc lưu thông và tiêu dùng các sản phẩm bánh kẹo của Hữu Nghị.

#### **c. Một số rủi ro đặc thù: Rủi ro hàng giả, hàng kém phẩm chất**

Giống như một số thị trường đang phát triển khác trên thế giới, thị trường Việt Nam vẫn bị ảnh hưởng nặng nề bởi nạn hàng giả, hàng kém phẩm chất. Hàng giả trong đó có bánh kẹo giả với nguồn gốc xuất phát từ Việt Nam và Trung Quốc được bán lẫn với hàng thật và đôi khi thông qua cả hệ thống đại lý phân phối chính thức tới tay người tiêu dùng, gây ảnh hưởng không nhỏ tới những nhãn hiệu nổi tiếng như Hữu Nghị.

Thêm vào đó, bánh kẹo sản xuất từ những cơ sở nhỏ lẻ không tuân thủ quy định về ghi nhãn mác, nguồn gốc, thời hạn sử dụng, không qua cơ quan kiểm duyệt thực phẩm, tuy không ảnh hưởng trực tiếp tới những nhãn hiệu nổi tiếng nhưng lại tác động xấu đến sức khỏe người tiêu dùng. Trên thực tế, kiến thức tiêu dùng của xã hội ngày càng được nâng cao do người tiêu dùng - nhất là người

tiêu dùng thành thị hiện nay được tiếp cận với rất nhiều nguồn thông tin từ báo chí, internet... Vì vậy hàng giả chỉ có thể xuất hiện ở một số vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Hữu Nghị đã tích cực triển khai các chương trình chống hàng giả thông qua việc nâng cấp bao bì sản phẩm, tổ chức việc tiếp nhận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau về hàng giả, phối hợp với các cơ quan chức năng phát hiện hàng giả trên thị trường.

#### **d. Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu**

Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của Hữu Nghị. Rủi ro tăng giá nguyên vật liệu có thể đến từ cả nguyên nhân do thiên tai, dịch bệnh, sự gián đoạn của chuỗi cung ứng, sự khan hiếm nguồn cung hoặc do ảnh hưởng của lạm phát...

Hoạt động kinh doanh của Hữu Nghị chịu ảnh hưởng lớn của những rủi ro về giá nguyên vật liệu. Tuy nhiên, nếu tình trạng tăng giá nguyên vật liệu diễn ra trong thời gian dài thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra sản phẩm, khi đó Hữu Nghị có thể tăng giá bán ra, doanh thu tăng và triệt tiêu được ảnh hưởng của rủi ro tăng giá nguyên vật liệu đến lợi nhuận của Hữu Nghị.

#### **e. Rủi ro lãi suất**

Do đặc thù của ngành sản xuất và kinh doanh bán lẻ đòi hỏi phải có lượng vốn lưu động lớn, tốc độ quay vòng vốn cao do các sản phẩm thường mang tính thời vụ, nên tỷ lệ vốn vay không được quá cao so với vốn chủ sở hữu. Hữu Nghị luôn duy trì tỷ lệ vốn vay trên vốn chủ sở hữu ở mức an toàn. Rủi ro lãi suất có thể xảy ra khi lãi suất biến động bất thường. Lãi suất tăng cao sẽ làm gia tăng chi phí tài chính và gây ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của Hữu Nghị

## **II. Tình hình hoạt động trong năm/ Operations in the Year**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.

STT	Chỉ tiêu	DVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% so sánh TH năm 2023 với 2022	
						Thực hiện 2023/Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023/Thực hiện 2022
1	Doanh thu	Tỷ đồng	2.114	2.146,42	1.916,44	89%	91%
2	Sản lượng	Tấn	22.708	24.820	21.508	87%	95%
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	55,5	56,4	75	133%	135%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	138,4	52,36	83,47	159%	60%
5	Số lao động bình quân trong năm	Người	2012	2025	2026	100,05%	100,70%
6	Thu nhập bình quân 1 người	Tr.đ /tháng	12,98	13	12,77	98,23%	98,38%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation/actual progress against the plan: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years.

Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years.

Mặc dù tình hình chính trị thế giới và kinh tế trong nước có nhiều biến động, lạm phát vượt dự báo, tuy nhiên doanh thu năm 2023 của công ty vẫn đạt được trên 90% so với cùng kỳ 2022 đạt 91%, nộp ngân sách nhà nước 75 tỷ đồng, tăng 135% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 83,47 tỷ, vượt 59% so với kế hoạch. Tuy nhiên, mặt dù kết quả thực hiện là rất xuất sắc, Ban Lãnh đạo Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi, đánh giá rủi ro một cách thận trọng để có các quyết định phù hợp đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tới.

## 2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.

### \* Hội đồng quản trị

- Chủ tịch: Ông Trịnh Trung Hiếu (Thành viên HĐQT không tham gia điều hành)
- Phó Chủ tịch: Bà Lê Thị Lan Anh (Thành viên HĐQT không tham gia điều hành)
- Thành viên: Ông Nguyễn Thái Dương
- Thành viên: Ông Lê Việt Anh
- Thành viên: Ông Bùi Tuấn Anh (thành viên độc lập)

### \* Ban kiểm soát

- Trưởng ban: Ông Thái Anh Tuấn
- Thành viên: Bà Lê Mai Dịu
- Thành viên: Bà Lại Thị Lỗi

### \* Ban điều hành và Kế toán trưởng

- Tổng giám đốc: đang trong quá trình tuyển dụng nhân sự.
- Phó Tổng giám đốc: Ông Tạ Nguyên Hải, Lê Việt Anh.
- Kế toán trưởng: Bà Đoàn Thùy Dương

- Sơ yếu lý lịch cán bộ quản lý chủ chốt

### ↓ Ông Trịnh Trung Hiếu- Chủ tịch Hội đồng quản trị (thành viên HĐQT không tham gia điều hành)

- Họ và tên : Trịnh Trung Hiếu
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 28/02/1974
- Nơi sinh : Hà Bình - Hà Trung - Thanh Hóa
- Số CMND/ CCCD :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: :
- Trình độ chuyên môn : Đại Học Help - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh  
Đại học Kinh tế Quốc dân - Cử nhân Kinh tế  
Đại học Công nghiệp Thái Nguyên - Kỹ sư Điện

Quá trình công tác:

Thời gian (1)	Vị trí, Đơn vị công tác (2)
03/2019 – Hiện tại	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị Công tác Đảng: + 2007 – 2010 Phó bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị + 2011 - 04/2015 Ủy viên BCH Đảng bộ Tổng công ty thuốc lá Việt Nam, Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị

	+ 2015 đến nay: Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị
06/2016 - 2017	Người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam – giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị.
04/2015 – 05/2016	Người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam – giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
06/2009 – 04/2015	Tổng giám đốc – Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị
05/2008 – 05/2009	Tổng giám đốc - CTCP Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
01/2007 – 04/2008	Phó Tổng giám đốc - CTCP thực phẩm Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
03/2000 - 12/2006	Phó giám đốc - Nhà máy Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị - Công ty thực phẩm Miền Bắc.
08/1997 -02/2000	Kỹ sư điện – Nhà máy bánh quy cao cấp Hữu Nghị - Công ty thực phẩm Miền Bắc.

Chức vụ tại Công ty : Chủ tịch HĐQT (thành viên HĐQT không tham gia điều hành)

Chức vụ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần công nghệ thực phẩm Đông Nam Á; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế Alpha.

Tổng số CP nắm giữ : 3.089.409 CP, chiếm 10.30% VDL tại HNF

Trong đó: + Cá nhân sở hữu : 3.089.409 CP

+ Đại diện sở hữu : 0 CP

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

↓ **Bà Lê Thị Lan Anh- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (thành viên HĐQT không tham gia điều hành)**

Họ và tên : Lê Thị Lan Anh  
Giới tính : Nữ  
Ngày sinh : 19/01/1978  
Nơi sinh : Hải Tây – Hải Hậu – Nam Định  
Số CMND/ The CCCD :  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú :  
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh  
Quá trình công tác:

Thời gian (1)	Vị trí, Đơn vị công tác (2)
02/2018 – Hiện tại	Phó chủ tịch HĐQT CTCP Thực phẩm Hữu Nghị
06/06/2016 – 31/10/ 2017	Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Hữu Nghị
04/2015 – Hiện tại	Thành viên HĐQT CTCP Thực phẩm Hữu Nghị
03/2014 – 06/06/2016	Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
06/2009 - 02/2014	Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư – Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
03/2007 - 05/2009	Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư – Công ty Cổ phần bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
07/2002 - 02/2007	Chuyên viên kế toán – Công ty thực phẩm Miền Bắc
1999 - 06/2002	Chuyên viên kế toán – Công ty chế biến lâm sản Trung Văn
1998 - 1999	Nhân viên kế toán – Công ty Hoàng Nam

Chức vụ tại Công ty : Phó Chủ tịch HĐQT (thành viên HĐQT không tham gia điều hành)

Chức vụ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần bao bì Đông Nam Á; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần quốc tế Bamboo; Tổng giám đốc Công ty cổ phần CN thực phẩm Đông Nam Á.

Tổng số CP nắm giữ tại HNF : 137.399 CP

Trong đó: + Cá nhân sở hữu: 137.399 CP

+ Đại diện sở hữu: 0CP

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

↓ **Ông Nguyễn Thái Dương- Thành viên Hội đồng quản trị.**

Họ và tên : Nguyễn Thái Dương  
Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 25/7/1982  
Số CMND/ CCCD :  
Quốc tịch :  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú: :  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân đại học Ngoại thương- Chuyên ngành kinh tế đối ngoại

Quá trình công tác:

Thời gian (1)	Vị trí, Đơn vị công tác (2)
5/2019 - nay	Thành viên HĐQT công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị
2019 – 5/2019	Nhân viên xuất khẩu Công ty cổ phần quốc tế Bamboo;
2017 - 2018	Nhân viên bán hàng Công ty cổ phần công nghệ thực phẩm Đông Nam Á
2016 - 2017	Nhân viên phát triển thị trường Công ty CP công nghệ thực phẩm Đông Nam Á
2014 - 2015	Nhân viên bán hàng Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị

Chức vụ tại Công ty : Thành viên HĐQT Công ty

Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Tổng số CP nắm giữ tại HNF : 0 CP

Trong đó: + Cá nhân sở hữu: 0CP

+ Đại diện sở hữu: 0 CP

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

↓ **Ông Bùi Tuấn Anh- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**

Họ và tên : Bùi Tuấn Anh  
Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 21/1/1983  
Nơi sinh : Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  
Số CMND/ Thẻ CCCD :  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú: :  
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kỹ thuật Điện Cộng hòa Liên Bang Đức

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí, Đơn vị công tác
-----------	-------------------------

(1)	(2)
2018 – nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị
2016 - 02/2018	Kỹ sư dự án Công ty CP kỹ thuật Sigma
2012 - 2016	Giảng viên trường Đại học kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên
2009 - 2012	Du học- Trường đại học Kassel- CHLB Đức
2006-2009	Giảng viên trường Đại học kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên

Chức vụ tại Công ty : Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Tổng số CP nắm giữ tại : 0 CP

HNF

Trong đó: + Cá nhân sở hữu: 0 CP

+ Đại diện sở hữu: 0 CP

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

✚ **Ông Lê Việt Anh - Thành viên hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc**

Họ và tên : Lê Việt Anh

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 29/06/1984

Nơi sinh : Nam Định

Số CMND/ CCCD :

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú :

Trình độ chuyên môn : Cử nhân QTKD

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí, Đơn vị công tác
(1)	(2)
5/2020 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị
2/2018 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị
2019 – 5/2020	Công ty cổ phần quốc tế Bamboo
2017 - 2019	Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị
2016 - 2017	Công ty Cổ phần thực phẩm Đông Nam Á
2010 - 2016	Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế ALPHA
2008 - 2009	Công ty công nghệ phẩm NFF

Chức vụ tại Công ty : Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Tổng số CP nắm giữ tại : 1.350.000 CP

HNF

Trong đó: + Cá nhân sở hữu: 1.350.000 CP

+ Đại diện sở hữu: 0 CP

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

✚ **Ông Tạ Nguyễn Hải – Phó Tổng giám đốc chuỗi cung ứng**

- Họ và tên: **Tạ Nguyễn Hải**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 01/03/1979

- Nơi sinh: Hà Trung, Thanh Hóa

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu):



STT No.	Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Management	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /
01	Lê Việt Anh- Phó Tổng giám đốc kinh doanh	29/6/1984	Quản trị kinh doanh	Ngày bổ nhiệm 12/05/2020
02	Tạ Nguyên Hải – Phó Tổng giám đốc chuỗi cung ứng	01/3/1979	Công nghệ thực phẩm	Ngày bổ nhiệm 02/01/2020

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.

**Cơ cấu lao động đến hết 31/12/2023:**

Chỉ tiêu	Nam	Nữ	Tổng cộng
<b>Phân theo trình độ học vấn</b>	999	1027	2026
1. Trên đại học	6	4	10
2. Đại học	124	156	280
3. Cao đẳng/Trung cấp	277	215	492
4. Sơ cấp/lao động phổ thông	592	652	1244
<b>Phân theo phân công lao động</b>	999	1027	2026
1. HĐQT/Ban Giám đốc	5	2	7
2. Lao động quản lý (từ cấp phòng/bộ phận trở lên)	36	32	68
3. Lao động chuyên môn	172	147	319
4. Lao động trực tiếp	779	816	1595
5. Lao động thừa hành phục vụ	7	30	37

**Chính sách phát triển nguồn nhân lực**

Hữu Nghị Food luôn trú trọng đầu tư cho hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện các khoá đào tạo như sau:

STT	Hạng mục	Hội nhập & Văn hóa ứng xử	Nghiệp vụ VP/ Nội chính	Nghiệp vụ kinh doanh	Nghiệp vụ sản xuất	Phát triển kế nhiệm	Tổng
1	Số lớp đào tạo	32	1	43	36	4	<b>116</b>
2	Số lượt học viên	119	3	635	2.106	70	<b>2.933</b>
3	Số giờ đào tạo	125	8	191	97	136	<b>557</b>

**Trong đó:**

- Toàn bộ nhân sự sản xuất đều được đào tạo cập nhật kiến thức, kỹ năng về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và kiểm soát rủi ro trong vận hành sản xuất; tham gia đầy đủ các khóa đào tạo nâng cao nhận thức và thực hành áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO, SA8000, tiêu chuẩn chất lượng Halal v.v...

- Các Giám đốc kênh kinh doanh, Giám đốc bán hàng khu vực được đào tạo, cập nhật về mô hình tổ chức kinh doanh, ứng dụng công nghệ trong quản trị hệ thống phân phối-bán hàng, xây dựng-phát triển mối quan hệ khách hàng (CRM) và văn hóa phục vụ khách hàng.

- Nhân sự phòng Tài chính-Kế toán, phòng Nhân sự được đào tạo cập nhật pháp luật về thuế, pháp luật về chính sách người lao động, bảo hiểm xã hội.
- 100% nhân sự mới đều được đào tạo Hội nhập, hướng dẫn nội quy, quy định và văn hóa ứng xử tại nơi làm việc.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/Major investments: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.

**Công ty đã cơ bản hoàn thành việc triển khai xây dựng dự án tại Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng. Cụ thể:**

- Tên dự án: “Đầu tư mới nhà máy thực phẩm Hữu Nghị - Chi nhánh Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc”.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102109239 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 06/5/2020.
- Địa điểm đầu tư: Tại Lô CN15-2 khu Công nghiệp Yên Phong (khu mở rộng), xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
- Giá trị đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư 996 tỷ VNĐ
- Nguồn vốn: Vốn huy động (phát hành trái phiếu không chuyên đổi, vốn vay) và vốn tự có.

b) Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).

Không có

### 4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản	2.041.750.989.045	1.868.873.190.514	-8%
Doanh thu thuần	1.962.895.850.921	1.756.324.229.021	-11%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	136.688.877.702	80.987.114.064	-41%
Lợi nhuận khác	1.769.100.451	2.484.933.167	+40%
Lợi nhuận trước thuế	138.457.975.153	83.472.047.231	-40%
Lợi nhuận sau thuế	120.003.988.866	70.954.402.536	-41%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3.800	2.365	-38%

- Các chỉ tiêu khác/ Other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial indicators:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	31/ 12/2022	31/12/2023
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn ( <i>Short term Asset/Short term debt</i> )	Lần	<b>1.058</b>	<b>1.100</b>
	Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn ( <i>Short term Asset - Inventories/Short term Debt</i> )	Lần	<b>0.874</b>	<b>0.942</b>
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản ( <i>Debt/Total assets ratio</i> )	Lần	<b>0.675</b>	<b>0.690</b>
	+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu ( <i>Debt/Owner's Equity ratio</i> )	Lần	<b>2.08</b>	<b>2.23</b>
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân ( <i>Cost of goods sold/Average inventory</i> )	Lần	<b>8.584</b>	<b>9.164</b>
	+ Vòng quay tổng tài Sản/ <i>Total asset turnover</i> : Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân ( <i>Net revenue/ Average Total Assets</i> )	Lần	<b>0.977</b>	<b>9.04</b>
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> )	Lần	<b>0.06</b>	<b>0.04</b>
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ total capital Ratio</i> )	Lần	<b>0.179</b>	<b>0.123</b>
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Total assets Ratio</i> )	Lần	<b>0.058</b>	<b>0.038</b>
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i> )	Lần	<b>0.0696</b>	<b>0.0461</b>

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/ Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information

concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

Trong năm 2020, Công ty thực hiện đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu số 30/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/02/2020, sau khi kết thúc đợt chào bán, tổng số cổ phần đang lưu hành tính đến 31/12/2020: 30.000.000 cổ phần.

Đến 31/12/2022: 30.000.000 cổ phần.

STT	Nội dung	Trước khi thay đổi	Thay đổi	Sau khi thay đổi	Lý do thay đổi
01	Vốn điều lệ (VNĐ)	200.000.000.000	100.000.000.000	300.000.000.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
02	Tổng số cổ phiếu (cổ phiếu)	20.000.000	10.000.000	30.000.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
03	Số lượng cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	0	0	0	
04	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành (cổ phiếu)	20.000.000	10.000.000	30.000.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
05	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	-	-	0	

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ghi chú
A01	A02	A10	A11	A12
1	Công ty cổ phần DNA holding	15.410,125	51,37%	
2	Thái Lan Anh	1.771,200	5,90%	
3	Trịnh Trung Sơn	3.849,802	12,83%	
5	Trịnh Trung Hiếu	3.089,409	10,30%	
6			0	
7			0	
8			0	
9			0	
10	<b>Tổng cộng</b>	<b>24,120,536</b>	<b>80,40%</b>	

Tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài tối đa: 0%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển

đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Giá trị tăng thêm (Triệu đồng)	Phương thức
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	2006	22.500	-	Cổ phần hoá
2	2009	52.500	30.000	Phát hành ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu
3	2010	66.750	14.250	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
4	2011	73.425	6.675	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
5	2012	100.000	26.575	Phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, phát hành cho CBCNV và Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
6	2013	108.449,070	8.499,070	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	2014	200.000	91.550,93	Phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, phát hành cho CBCNV và Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
8	2020	300.000	100.000	Phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu

- Trong năm không có giao dịch cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.

Không

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

### 6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/Total direct and indirect GHG emission Công ty thực hiện theo Quy định tại Giấy chứng nhận phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Giấy chứng nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; chưa có hệ thống đo đạc ghi nhận số liệu này.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ *Measures and initiatives to reduce GHG emission.*

Công ty thực hiện theo Quy định tại Giấy chứng nhận phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Giấy chứng nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; chưa có hệ thống đo đạc ghi nhận số liệu này.

**6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Công ty thực hiện nghiêm túc việc quản trị nguồn nguyên liệu để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và ổn định thị trường, giảm nguy cơ phụ thuộc.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

**6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

Công ty kết hợp sử dụng năng lượng điện, Gas, lò hơi cho hoạt động sản xuất và thực hiện quản trị tốt việc tiêu thụ năng lượng hợp lý.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

**6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)**

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used.*

Nguồn nước của Công ty sử dụng chủ yếu là nguồn nước máy. Quá trình kiểm soát chất lượng nước đầu vào và nước thải cũng được kiểm soát chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused.*

**6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Trong năm 2023, Công ty không bị xử phạt vi phạm về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

**6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wages of workers.*

Tính đến 31/12/2023, số lượng lao động của Công ty đạt 2025 người, thu nhập trung bình đạt 12,77 triệu đồng/1 người. Như vậy, mặc dù chịu sự ảnh hưởng lớn của dịch bệnh Covid nhưng Công ty vẫn duy trì công ăn việc làm cho một lượng lớn lao động và duy trì mức thu nhập ổn định.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Công ty không ngừng nâng cao năng suất lao động và chế độ đãi ngộ cho người lao động. Thu nhập trung bình của người lao động bảo đảm và so với các doanh nghiệp cùng ngành thì mức thu nhập này là tương đối thu hút và ổn định.

Công ty cũng thực hiện khám sức khỏe định kỳ, bồi dưỡng tăng ca nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động, đồng thời tăng cường các hoạt động đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho người lao động để tăng năng suất, đảm bảo công việc và phát triển sự nghiệp.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

Xem mục chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Xem mục chính sách phát triển nguồn nhân lực

### **6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.**

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Công ty thực hiện các hoạt động tài trợ và ủng hộ sản phẩm bánh kẹo theo các hoạt động cộng đồng.

### **6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.**

**Lưu ý/Note:** (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

## **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results**

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

#### **\* Thuận lợi**

+ An ninh, chính trị ổn định, các biện pháp thực hiện mục tiêu kép của chính phủ: vừa chống lạm phát vừa phát triển kinh tế đã phát huy tác dụng, tạo cơ hội cho Hữu Nghị duy trì và triển khai được hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước và giảm được tác động tiêu cực của dịch bệnh,

+ Nhận thức của người tiêu dùng đối với sản phẩm chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và các thương hiệu uy tín trong nước ngày càng được nâng lên, góp phần đáng kể cho việc lựa chọn, tiêu dùng các sản phẩm của Hữu Nghị;

+ Hữu Nghị đã tạo dựng được vị thế, uy tín trên thị trường và được khách hàng tin dùng các nhãn hiệu Staff, Tipo, bánh Trung Thu và Mứt Tết;

+ Hữu Nghị đã xác lập mô hình phân phối từ năm 2006 và liên tục kiện toàn hệ thống phân phối-bán hàng đa kênh tại thị trường nội địa và xuất khẩu thành công các sản phẩm ra thị trường quốc tế, đảm bảo sự ổn định và cân bằng giữa thị trường trong nước và nước ngoài;

+ Khánh thành nhà máy hiện đại, đầu tư thêm dây chuyền sản xuất đồng bộ, tự động hóa, đạt chuẩn an toàn thực phẩm toàn cầu tại Yên Phong, Bắc Ninh để thực hiện tập trung sản xuất

quy mô lớn, tối ưu chi phí hoạt động và tạo ra những sản phẩm chất lượng cao đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong nước và khách hàng quốc tế.

**\* Khó khăn**

+ Sức ép cạnh tranh trong ngành bánh kẹo ngày càng khốc liệt, nhất là đối với phân khúc trung-cao cấp,

+ Vị thế đàm phán của nhà bán lẻ ngày càng lớn và họ đòi hỏi nhiều hơn đối với nhà sản xuất gây ảnh hưởng không nhỏ cho Hữu Nghị với việc tăng chi phí mở mã sản phẩm, chiết khấu thương mại, chi phí trưng bày, marketing tại điểm bán v.v..

+ Giá nguyên liệu, bao bì, chi phí logistics, chi phí khấu hao tài sản, lãi vay tăng cao... làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Hữu Nghị,

+ Việc di rời các dây chuyền thiết bị và triển khai lắp đặt tại nhà máy mới ít nhiều làm ảnh hưởng tới tiến độ và sản lượng ra hàng ở một số thời điểm.

**\* Các biện pháp đã thực hiện**

*T1. Về sản phẩm*

+ Cơ cấu lại nhãn hàng, danh mục sản phẩm để gia tăng sự tập trung và sức mạnh thương hiệu Tipo, Staff và tối ưu chi phí trong việc tổ chức sản xuất và quản lý danh mục sản phẩm.

+ Loại bỏ những sản phẩm có biên lợi nhuận thấp, sản lượng tiêu thụ ít hoặc tồn kém trong tổ chức sản xuất, lưu thông phân phối.

+ Cơ cấu lại danh mục sản phẩm mùa vụ Tết và định vị rõ nét theo từng phân khúc để tập trung nguồn lực triển khai và thuận tiện cho sự lựa chọn của khách hàng:

+ Ưu tiên lựa chọn đầu tư công nghệ hiện đại, dây chuyền thiết bị đồng bộ, tự động hóa: áp dụng các sáng kiến kỹ thuật và tiết kiệm trong sản xuất để tối ưu chi phí hoạt động, tăng cơ hội cạnh tranh về giá và chất lượng sản phẩm,

+ Tối ưu lượng hàng tồn kho, đảm bảo luôn đủ hàng cho thị trường với hạn sử dụng tốt nhất.

*T2. Về khách hàng*

+ Đánh giá và lựa chọn các đối tác kinh doanh có cùng chí hướng, có thiện chí đầu tư cùng phát triển, phù hợp với quy mô và định hướng phát triển của Hữu Nghị.

+ Thanh lọc các nhà phân phối, các đối tác bán lẻ không tuân thủ hợp đồng, không phối hợp triển khai thị trường.

+ Điều chỉnh tăng mức đặt cọc đảm bảo cho đơn hàng và thanh toán trước đối với tất cả đơn hàng thường ngày và mùa vụ để giảm thiểu rủi ro thanh toán.

+ Tăng đầu tư cho các điểm keyshop, chuỗi cửa hàng tiện lợi (CVS), các siêu thị bán lẻ và mở rộng kênh bán hàng online.

*T3. Về thị trường*

+ Tổ chức lại khu vực phân phối-bán hàng, tuyển bán hàng để chăm sóc, làm kín, làm kỹ thị trường và tối ưu chi phí logistics.

+ Kiện toàn tổ chức bán hàng theo kênh chuyên biệt, phục vụ đúng đối tượng khách hàng mục tiêu của kênh.

+ Tăng cường các biện pháp chống bán phá giá, lấn vùng, đảm bảo sự lành mạnh và hiệu quả của từng kênh bán hàng, từng khu vực thị trường.

*T4. Về nhân sự và văn hóa doanh nghiệp*

+ Sắp xếp lại tổ chức bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả: ưu tiên nhân sự có năng lực, thực hiện được đa nhiệm;

+ Tăng phạm vi quản lý địa bàn cho lực lượng giám sát, quản lý bán hàng để giảm đầu mối quản lý nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả kinh doanh và tăng thu nhập cho nhân sự có năng lực.

+ Đẩy mạnh việc truyền tải và lan tỏa các giá trị cốt lõi của Công ty trong toàn hệ thống.

+ Tăng cường kiểm soát tính tuân thủ, kết hợp với hướng dẫn, đào tạo để nâng cao kiến thức, kỹ năng, góp phần tăng năng suất lao động và tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp lâu dài cho người lao động trong toàn công ty.

+ Thực hiện các biện pháp thu hút nhân tài, tuyển chọn các nhân sự phù hợp, đáp ứng quy mô và sự phát triển của công ty.

#### T5. Về tài chính, mua hàng

+ Xây dựng và duy trì tốt mối quan hệ với các ngân hàng, các tổ chức tín dụng, các nhà cung cấp để đảm bảo luôn có đủ nguồn vốn, nguyên liệu, bao bì... đáp ứng sản xuất kinh doanh và đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả.

+ Xây dựng và áp dụng các quy chế mua sắm, vận dụng lợi thế quy mô để đạt lợi thế trong đàm phán với mức giá tốt nhất cho tất cả các yếu tố đầu vào, góp phần giảm giá thành sản xuất, tăng hiệu quả hoạt động cho Công ty.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/The Company's achievements.

+ Giữ vững được vị thế “**Nhà sản xuất kinh doanh bánh kẹo thuần Việt lớn nhất Việt Nam**”,

+ Đạt Chứng nhận an toàn thực phẩm toàn cầu (Food Safety System Certification-FSSC),

+ Tặng thị phần 2% (theo kết quả đo lường của Nielsen)

+ Vượt qua đại dịch Covid-19 thành công.

## 2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài sản/Assets: Bảng cân đối tài sản

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>965.044.396.541</b>	<b>964.803.527.519</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>179.386.184.696</b>	<b>32.895.432.779</b>
1. Tiền	111		179.386.184.696	32.895.432.779
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>170.000.000.000</b>	<b>275.500.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		170.000.000.000	275.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>451.033.230.151</b>	<b>472.874.563.782</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		415.394.453.192	437.929.072.375
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.857.604.374	18.624.647.456
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		20.798.221.155	16.337.892.521
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(26.568.570)	(26.568.570)

8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139		9.520.000	9.520.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>139.149.982.429</b>	<b>168.590.340.780</b>
1. Hàng tồn kho	141		139.149.982.429	168.590.340.780
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.474.999.265</b>	<b>14.943.190.178</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.898.661.136	13.759.082.248
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.376.404.009	1.135.165.480
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		199.934.120	48.942.450
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>903.828.793.973</b>	<b>1.076.947.461.526</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>143.448.120</b>	<b>121.091.767.525</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		143.448.120	121.091.767.525
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>726.566.366.447</b>	<b>777.518.400.555</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>		<b>674.660.622.161</b>	<b>717.112.848.031</b>
- Nguyên giá	222		1.053.989.608.139	1.031.778.792.651
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(379.328.985.978)	(314.665.944.620)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		<b>48.719.448.613</b>	<b>56.136.033.301</b>
- Nguyên giá	225		61.917.130.990	66.564.045.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(13.197.682.377)	(10.428.012.689)
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>		<b>3.186.295.673</b>	<b>4.269.519.223</b>
- Nguyên giá	228		4.713.277.273	4.852.927.273

- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.526.981.600)	(583.408.050)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>450.000.000</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		450.000.000	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>176.668.979.406</b>	<b>178.337.293.446</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		176.668.979.406	178.337.293.446
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN NGUỒN VỐN</b>	<b>270</b>		<b>1.868.873.190.514</b>	<b>2.041.750.989.045</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.289.822.628.310</b>	<b>1.377.654.629.934</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>876.889.558.842</b>	<b>909.822.838.296</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		173.498.677.105	184.675.837.022
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.939.246.897	17.487.720.160
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		13.734.759.023	16.315.824.821
4. Phải trả người lao động	314		30.836.432.238	35.814.327.619
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		86.933.398.314	68.763.150.049

6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.532.848.818	6.139.394.401
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		5.458.508.331	5.932.825.027
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		538.051.934.898	563.790.205.422
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		16.903.753.218	10.903.553.775
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>412.933.069.468</b>	<b>467.831.791.638</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		88.479.512.836	87.691.158.080
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		324.453.556.632	380.140.633.558
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>579.050.562.204</b>	<b>664.096.359.111</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>579.050.562.204</b>	<b>664.096.359.111</b>
<b>1. Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>411</b>		<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-

2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.689.002.236	16.689.002.236
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		99.931.757.746	81.931.159.416
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
<b>11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>		<b>162.429.802.222</b>	<b>265.476.197.459</b>
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		91.475.399.686	145.472.208.593
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		70.954.402.536	120.003.988.866
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.868.873.190.514</b>	<b>2.041.750.989.045</b>

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

Năm 2023 tổng tài sản giảm 8% so năm 2022 nguyên nhân chính giảm do các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn năm 2023 tăng so với năm 2022

b) Tình hình nợ phải trả/*Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

Năm 2023 nợ phải trả giảm 6% so năm 2022 nguyên nhân chính là do công ty bắt đầu trả giảm các khoản nợ dài hạn.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, and management.***

- Sắp xếp lại tổ chức bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả; ưu tiên nhân sự có năng lực, thực hiện được đa nhiệm;

- Tăng phạm vi quản lý địa bàn cho lực lượng giám sát, quản lý bán hàng để giảm đầu mối quản lý nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả kinh doanh và tăng thu nhập cho nhân sự có năng lực.
- Đẩy mạnh việc truyền tải và lan tỏa các giá trị cốt lõi của Công ty trong toàn hệ thống.
- Tăng cường kiểm soát tính tuân thủ, kết hợp với hướng dẫn, đào tạo để nâng cao kiến thức, kỹ năng, góp phần tăng năng suất lao động và tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp lâu dài cho người lao động trong toàn công ty.
- Thực hiện các biện pháp thu hút nhân tài, tuyển chọn các nhân sự phù hợp, đáp ứng quy mô và sự phát triển của công ty.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in future**

+ Phát triển Công ty một cách bền vững, duy trì vị thế **“Nhà sản xuất kinh doanh bánh kẹo lớn nhất Việt Nam”**,

+ Tiếp tục tái cấu trúc công ty, cơ cấu lại bộ máy, đội ngũ nhân sự quản lý theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả, phù hợp với quy mô và sự phát triển của Công ty trong giai đoạn mới,

+ Đề cao tính tuân thủ và ghi nhận, đánh giá thành tích lao động một cách khách quan, công bằng, tạo động lực cho người lao động,

+ Xây dựng các thương hiệu Tipo, Staff cho các dòng sản phẩm bánh, mứt, kẹo, bánh trung thu Hữu Nghị trở thành thương hiệu mạnh hàng đầu ở Việt Nam và khu vực,

+ Áp dụng các phương pháp quản lý khoa học, các sáng kiến kỹ thuật nhằm tiết kiệm, tránh lãng phí trong sản xuất, lưu thông hàng hóa... góp phần giảm giá thành sản xuất.

+ Kiểm soát tốt chi phí hoạt động, tối ưu hiệu quả đầu tư tạo lợi thế cạnh tranh về giá.

+ Giữ vững thị trường truyền thống, các kênh bán hàng hiện có và tiếp tục mở rộng thị trường mới, kênh/ phương thức bán hàng mới.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/*Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

Công ty Tiếp tục đầu tư nâng cấp cho hệ thống xử lý nước thải theo đúng tiêu chuẩn: Ưu tiên tìm kiếm và sử dụng những nguyên vật liệu, nhiên liệu sạch và thân thiện với môi trường, vì sức khỏe của người tiêu dùng; Cải tạo không gian làm việc, cảnh quan nhà máy theo hướng xanh-sạch-đẹp; Nâng cao tinh thần trách nhiệm và quán triệt CBCNV nghiêm túc thực hiện 5S để đảm bảo không gian làm việc luôn được sắp xếp gọn gàng, khoa học, sạch sẽ v.v...

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

Công ty chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua hoạt động đào tạo và chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài, tạo mọi điều kiện để người lao động thể hiện được năng lực và phát triển được tài năng. Đồng thời xây dựng văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc thân thiện, lành mạnh & hiệu quả, có bản sắc riêng của Hữu Nghị, là nơi “đáng làm việc” hàng đầu Việt Nam,

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

Công ty luôn chấp hành và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật và quy định của địa phương.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.**

Công ty tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT và các quy định của pháp luật có liên quan. Các trách nhiệm về môi trường xã hội được tuân thủ nghiêm túc và không bị xử phạt.

### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance*

Ban giám đốc Công ty đã thực hiện và chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết của HĐQT và các quy định của pháp luật có liên quan.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans and orientations of the Board of Directors*

- Định kỳ hàng tháng HĐQT họp với Ban điều hành thông qua báo cáo và kế hoạch tháng/quý/năm, qua đó điều chỉnh và chỉ đạo kịp thời.

- Đôn đốc và yêu cầu BKS tổ chức các hoạt động kiểm tra, rà soát việc tuân thủ nội quy, quy chế, chính sách của Công ty.

- HĐQT thực hiện việc giám sát thông qua việc phê duyệt các quy định về phân quyền, ban hành quy chế quy định về vận hành trong Công ty.

## V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

### 1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors:* (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/*(The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).*

#### **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị:**

- Chủ tịch: Ông Trịnh Trung Hiếu
- Phó Chủ tịch: Bà Lê Thị Lan Anh
- Thành viên: Ông Nguyễn Thái Dương
- Thành viên: Ông Lê Việt Anh
- Thành viên độc lập: Ông Bùi Tuấn Anh

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*the committees of the Board of Directors:* (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee).*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors:* đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results.*

+ Trong năm Hội đồng quản trị đã tổ chức chức 25 phiên họp và ban hành 25 nghị quyết và nhiều quyết định quan trọng khác trong công tác điều hành Công ty (chi tiết các quyết nghị đã nêu tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023 và đã công bố thông tin).

+ Chuẩn bị tài liệu và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

+ Chỉ đạo xây dựng lại các quy chế của công ty nhằm hoàn thiện trong điều kiện thực tế.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members.* Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees:* (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results).*

Năm 2022 Công ty đã bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập đáp ứng quy định.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

## **2. Ban Kiểm soát /Board of Supervisors**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

### **Danh sách thành viên Ban kiểm soát:**

Stt No.	Thành viên BKS Members of Board of Supervisors	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors	Trình độ chuyên môn Qualification
1	Thái Anh Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	Ngày bắt đầu 29/8/2020 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường 2020 ngày 29/8/2020	Kế toán
2	Lê Mai Dịu	Thành viên	Ngày bắt đầu 30/6/2021 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 ngày 30/6/2021	Kế toán
3	Lại Thị Lỗi	Thành viên	Ngày bắt đầu 30/6/2021 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 ngày 30/6/2021	Kế toán

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors' / Audit Committee's meetings, their contents and results*).

### **Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm, Ban kiểm soát thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của luật Doanh nghiệp, Điều lệ của công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Ngày 27/6/2023, Đại hội đồng cổ đông đã thực hiện việc họp thường niên. Ban kiểm soát đã thực hiện các hoạt động kiểm soát và các nội dung liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị theo đúng quy định của pháp luật.

- Ban Kiểm soát cũng đã thực hiện 02 kỳ họp và thực hiện chức năng kiểm tra kiểm soát theo đúng quy định của Điều lệ.

- Tham gia đánh giá, sửa đổi, hoàn thiện các quy trình, quy định và quy chế nội bộ của Công ty nhằm phát hiện các rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đưa ra những giải pháp kiến nghị phù hợp:

- Kiểm soát tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban giám đốc trong công tác quản lý. Kiểm soát việc ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- Kiểm soát tính chính xác, phù hợp của các báo cáo tài chính hàng quý và cả năm 2022. Xem xét việc chấp hành luật về các chính sách và chế độ tài chính kế toán của Công ty;

- Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained*).

- Thù lao và thu nhập khác của Hội đồng quản trị: 4.042.319.200 đ

- Thù lao và thu nhập khác của Ban kiểm soát: 1.381.741.800 đ

- Lương của Ban Điều hành (Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc): 1.109.201.000 đ

Chi tiết đã thể hiện một mục riêng tại Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*).

- Ông Trịnh Trung Hiếu mua 3.089.409 CP HNF, chiếm 10,30% VDL, đã công bố thông tin theo quy định.

- Ông Nguyễn Thái Dương- thành viên HĐQT bán 3.089.409 CP HNF, chiếm 10,30% VDL, đã công bố thông tin theo quy định.

- Bà Lê Thị Lan Anh- Phó chủ tịch HĐQT đã mua 137399 CP HNF, chiếm 0,46% VDL, Lê Việt Anh- thành viên HĐQT, Phó TGD đã mua 1.350.000 cổ phần HNF tương đương 4,50% VDL HNF, Từ Lâm Nhi- người liên quan Lê Thị Lan Anh đã mua 1.140.000 cổ phần HNF tương đương 3,80% VDL HNF, Lê Mai Dịu- thành viên BKS đã bán 2.627.399 CP HNF. Toàn bộ người nội bộ, người liên quan đến người nội bộ đã thực hiện việc công bố thông tin theo quy định.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right*.

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.* date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i> (Ghi chú: Số liệu trước kiểm toán)	Ghi chú <i>Note</i>
1	Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế ALPHA (Alpha food)	Người liên quan			01/01/2023 31/12/2023	Nghị quyết HĐQT số 298/VPHĐ QT-TPHN ngày 04/9/2020; Nghị quyết HĐQT số 211/VPHĐ QT-TPHN ngày 19/8/2019	Bán hàng cho Công ty Alpha, giá trị: 136.726.672.625 đồng, đã công bố thông tin theo NQ đã nêu	
2	Công ty cổ phần bao bì Đông Nam Á (DNA pack)						Không có giao dịch	
3	Công ty Cổ phần công nghệ thực phẩm Đông Nam Á (DNA Food)				01/01/2023 đến 31/12/2023	NQ 07/VPHĐQT-TPHN 12/01/2019; NQ 203/VPHĐQT-TPHN 09/08/2019; NQ 93/VPHĐQT-TPHN ngày 20/5/2022; NQ 40/VPHĐQT-TPHN 21/3/2023	Số dư đến 31/12/2023 phải trả người bán là 308.983.048đ	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.* date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i> (Ghi chú: Số liệu trước kiểm toán)	Ghi chú <i>Note</i>
						Nghị quyết 180/VPHĐ QT-TPHN ngày 15/8/2022		
4	Công ty cổ phần quốc tế Bamboo (Bamboo)		Mã số doanh nghiệp  do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 2	The I  Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.			Không có giao dịch	
5	Công ty cổ phần DNA Holding	Người liên quan	Mã số doanh nghiệp số  do Phòng đăng ký kinh doanh sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp 10/10/2018	Yên Phong, Bắc Ninh	18/5/2021	Nghị quyết HĐQT số 143/HĐQT-TPHN 18/5/2021	Thông qua việc chấp nhận ký Hợp đồng về việc bảo đảm tài sản giữa Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị (bên được bảo đảm) với Công ty cổ phần DNA Holding (bên bảo đảm)	

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

Ban quản trị Công ty đã nghiêm chỉnh thực hiện các quy định về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành về việc hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với các Công ty đại chúng và đã tổ chức triển khai hoàn thiện Điều lệ và quy chế theo đúng quy định.

- Kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính năm 2023 của Công ty:  
+ Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023: Căn cứ vào Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2023, Ban kiểm soát đánh giá báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình

hình tài chính và kết quả hoạt động SXKD năm 2023; phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy chế quy định khác về quản lý tài chính của Công ty và Nhà nước.

- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý Công ty:

+ Đã tuân thủ quy định hiện hành và thực hiện các quy định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị;

+ Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc: Ban Tổng giám đốc về cơ bản đã tổ chức triển khai thực hiện đúng các nội dung Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Năm 2023, Ban Tổng giám đốc đã điều hành chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh sát sao, đảm bảo đúng định hướng của HĐQT đã đề ra.

## **VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements**

### **1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions**

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements** (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ *Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided.*)

Chi tiết Báo cáo tài chính được kiểm toán chúng tôi đã Công bố thông tin chi tiết trên hệ thống Công bố thông tin và website công ty tại địa chỉ: [www.huunghi.com.vn](http://www.huunghi.com.vn).

#### **Nơi nhận:**

- UBCK nhà nước, Sở GD&ĐT Hà Nội
- CBTT trên Website của Hữu Nghị
- Lưu: VT,

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Trịnh Trung Hiếu*